TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ - TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Liên;

Ông Cao Xuân Tú.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sải Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

Bị đơn: Anh Giàng Văn S, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Sải Thị L trình bày: Ngày 08/10/2015, chị L và anh Giàng Văn S cùng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang. Chị L anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với nhau tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang và chung sống hạnh phúc với nhau, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng anh chị sinh được 01 con chung là cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015, do điều kiện gia đình kinh tế khó khăn nên đến khoảng năm 2016 anh S phải đi làm thuê (không biết rõ địa chỉ ở đâu), thi thoảng chồng chị về thăm gia đình, còn chị ở nhà chăm sóc con. Đến tháng 5/2018, chồng chị đã tự ý bỏ nhà đi không ai biết lý do và không biết đi đâu, làm gì. Sau

khi nhận được tin chồng chị bỏ đi, chị và gia đình hai bên đã cùng nhau tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 27/6/2022, chị đã yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, đến ngày 21/11/2022 Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 06/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố anh Giàng Văn S mất tích. Kể từ khi Quyết định số 06/2022/QĐST-DS ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật đến nay anh cũng không thấy anh S trở về. Bản thân chị thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không tồn tại nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì giải quyết ly hôn giữa chị với anh Giàng Văn S.

Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung là cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015. Kể từ khi anh S bỏ nhà đi, chị L một mình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Anh. Nay anh S mất tích nên chị L đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Anh cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh về nhân thân, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Giàng Văn S thể hiện: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh Giàng Văn S và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sải Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sải Thị L về việc ly hôn giữa chị Sải Thị L với anh Giàng Văn S. Về con chung: Giao cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015 cho chị Sải Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Sải Thị L có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với bị đơn anh Giàng Văn S, Anh S có nơi cư trú

cuối cùng tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Sải Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Giàng Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sải Thị L và anh Giàng Văn S xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng anh S đã bỏ nhà đi không nói gì với chị L và gia đình, chị L và hai bên gia đình đã đi tìm kiếm anh S nhưng không có kết quả nên đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh Giàng Văn S mất tích. Ngày 21/11/2022 Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 06/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố anh Giàng Văn S mất tích. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị L và anh S không đạt được, không có sự vun đắp, chia sẻ cùng nhau, chung sống với nhau một thời gian, anh S đã bỏ đi không quan tâm đến vợ, con và gia đình. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sải Thị L được ly hôn anh Giàng Văn S là có cơ sở.

[5] Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung là cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015. Hiện nay cháu A đang sống chung với chị L và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Xét thấy từ khi anh S bỏ đi không trở về thăm con, cháu A từ nhỏ đến nay đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có cuộc sống ổn định. Do vậy, căn cứ theo nguyện vọng của cháu Anh, để đảm bảo cho cháu có điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần được công nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Sải Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sải Thị L. Xử cho chị Sải Thị L được ly hôn với anh Giàng Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Sải Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Văn A, sinh ngày 10/9/2015 đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Giàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Sải Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 51BB-21P0008118 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Sải Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Giàng Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hoàng Trung